TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2022/DS-PT
Ngày: 08-08- 2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2022/DS- ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Hiếu L**, sinh năm 1956.(có mặt)

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn V B, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1959(vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn V B, huyện G, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1953. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 4, thị trấn V B, huyện G, tỉnh T.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Hiếu L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Th là chỗ quen biết. Bà Nguyễn Thị Th có mượn ông tổng số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) mượn làm nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 23/6/2021 bà Th mượn 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Lần 2: Vào ngày 24/6/2021 bà Th mượn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Lần 3: Vào ngày 25/6/2021 bà Th mượn 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Lãi suất thỏa thuận miệng là 03%/tháng tức là đến ngày 25/9/2021 bà Th sẽ trả đủ cho ông cả gốc và lãi nhưng cho đến nay bà Th chưa trả được cho ông số tiền nào.

Bà Th và ông Võ Văn T là vợ chồng sống chung nhà, bà Th mượn tiền bà để sử dụng chi tiêu trong gia đình, nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình bà Th và ông T.

Nay ông yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Võ Văn T cùng trả tôi số tiền nợ là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

Theo án sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà có vay của ông Trần Hiếu L số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) như ông L trình bày là đúng, nay ông L yêu cầu bà và chồng bà là ông T trả số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) thì bà có ý kiến xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trả đến khi trả hết số tiền nợ là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T:

Trong quá trình giải quyết vụ án sở thẩm, ông T đã được tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không đến và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 61/2022/DS-ST ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hiếu L.

Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Hiếu L số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trần Hiếu L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Th và ông Võ Văn T không trả số tiền trên thì hàng tháng bà Th và ông T

phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/4/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét, đánh giá lại toàn bộ các tài liệu, chứng cứ và nội dung vụ kiện; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T phải liên đới trả tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung vụ án: Tài liệu có trong hồ sơ đã có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Th nợ ông L số tiền 300.000.000 đồng; Về trách nhiệm liên đới trả nợ:Xét thấy , Bà Th vay tiền để chi tiêu các nhu cầu thiết yếu của gia đình, do đó ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Tòa án sơ thẩm đã xét xử buộc bà Th - ông T liên đới trả nợ là có cơ sở. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Văn T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ , đúng pháp luật. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử thì ông Võ Văn T có đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định, Ông T thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm .

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để dự phiên tòa phúc thẩm nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Th theo qui định tại khoản 3 Điều 296 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Nguyên đơn ông Trần Hiếu L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Th và ông Võ Văn T cùng trả số tiền vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Th thống nhất thừa nhận bà Th có vay tiền như

ông L trình bày, hiện nay bà còn nợ lại ông L số tiền vay tổng cộng là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Nay ông L yêu cầu bà Th và ông T cùng trả số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) thì bà có ý kiến bà xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) trả đến khi trả hết số nợ là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Ông L cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông là Biên nhận có chữ ký tên của bà Th. Bà Th cũng thống nhất nợ ông L số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử buộc Bà Th và ông T liên đới trả trả ông L số tiền 300.000.000 đồng thì ông T kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông T (chồng bà Th) không đồng ý liên đới trả nợ. Xét thấy, quá trình thụ lý vụ án ở giai đoạn sơ thẩm thì bà Th và ông T cố tình không ký nhận các văn bản tố tụng khi nhân viên bưu điện đến tống đạt trực tiếp, nên nhân viên tống đạt đã niêm yết các văn bản tố tụng có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Như vậy việc tống đạt văn bản của Tòa án sơ thẩm được xem là hợp lệ. Bà Th có văn bản thừa nhận nợ và xin trả dần. Riêng đối với ông T thì không có văn bản nêu ý kiến hay phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã buộc vợ chồng Bà Th liên đới trả nợ là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông T, bà Th là vợ chồng, số tiền vay 300.000.000 đồng là số tiền lớn được bà Th vay dùng để chi tiêu các nhu cầu thiết yếu cho gia đình. Cho nên bản án sơ thẩm đã xét xử buộc bà Th và ông T liên đới trả nợ là có căn cứ. Ông T kháng cáo nhưng cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, đáng lẽ ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông T thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm và có đơn xin miễn án phí nên hội đồng xét xử cho ông T miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 357 của Bộ luật dân sự ; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 61/2022/DS-ST ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hiếu L.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Võ Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Hiếu L số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày ông Trần Hiếu L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Th và ông Võ Văn T chậm trả số tiền trên thì hàng tháng bà Th và ông T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3.Về án phí:

- Ông Võ Văn T được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm; Bà Nguyễn Thị Tho và ông Võ Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Hiếu L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sụ sơ thẩm, nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND tỉnh TG;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt